

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 20/4/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

2. Bà Trương Ngọc Phiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST- DS, ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Kim S** (tên gọi khác: thêm N) - Sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp N P, xã H N, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Võ Minh C** - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp N P, xã H N, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Kim S (gọi tắt là bà S) trình bày:

Ngày 30/8/2018, bà Nguyễn Kim S có cho ông Võ Minh C mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/tháng, hai bên có làm biên nhận mượn tiền, thời gian mượn là 02 tháng kể từ ngày 30/8/2018. Đến hạn ông C không trả được tiền cho bà Sang nên bà đã nhờ ban hòa giải ở ấp N P, xã H N tiến hành hòa giải, tại đây ông C thừa nhận có mượn

và còn nợ bà S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), cam kết đến hết ngày 03/3/2019 sẽ trả toàn bộ số tiền cho bà S nhưng ông C vẫn không thực hiện được. Số tiền này ông chỉ có một mình ông C mượn, vợ ông không liên quan.

Nay bà S yêu cầu ông C trả lại cho bà số tiền còn nợ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2018 đến hôm nay (ngày 20/4/2020) với số tiền lãi là 2.000.000đồng, trừ ra số tiền lãi mà bà S đã nhận của ông C trước đây là 2.000.000đồng, bà S không yêu cầu tính lãi tiếp.

Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Phía ông Võ Minh C vắng mặt tại phiên tòa, cũng không có văn bản trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án nên không có ý kiến, lời trình bày của ông C.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đồng. Ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà S có đơn khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ số tiền đã vay nên xác định đây tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Lách nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, khoản 3 điều 26, các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trước đây, nguyên đơn cho rằng: vào ngày 30/8/2018, ông Võ Minh C có mượn của bà S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là 02 tháng, tính từ ngày 30/8/2018, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 5%/tháng, hai bên có làm giấy biên nhận mượn tiền, ông C có ký tên vào giấy nợ. Tại buổi hòa giải ở ấp N P, ông C thừa nhận có

mượn tiền và còn nợ bà S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ông cam kết trả tiền cho bà S nhưng đến nay ông vẫn không trả được cho bà S số tiền nào cả. Nay bà S yêu cầu ông C trả lại cho bà số tiền còn nợ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2018 đến hôm nay (ngày 20/4/2020) với số tiền lãi là 2.000.000đồng, trừ ra số tiền lãi mà bà S đã nhận của ông C trước đây là 2.000.000đồng, bà S không yêu cầu tính lãi tiếp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Sang:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, bà S cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn tiền có chữ ký và ghi họ tên Võ Minh C đề ngày 30/8/2018, có nội dung ông C có mượn tiền của bà S (tên gọi khác: thêm N) số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là 02 tháng, tính từ ngày 30/8/2018, không có ghi nhận tính lãi, phía ông C đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bao gồm cả biên nhận nêu trên nhưng ông không có ý kiến phản bác hay tranh chấp liên quan đến yêu cầu của bà S trong vụ kiện này.

Đồng thời bà S còn cung cấp biên bản hòa giải tại ấp N P, xã H N ngày 23/12/2018, tại biên bản này ông C thừa nhận có mượn và còn nợ bà S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), cam kết đến hết ngày 03/3/2019 sẽ trả toàn bộ số tiền cho bà S, tại biên bản xác minh của Tòa án đã xác định nội dung biên bản hòa giải là đúng. Từ đó cho đến nay ông C không có ý kiến, cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh ông đã trả cho bà S toàn bộ số tiền còn nợ.

Từ các lẽ trên, việc bà S yêu cầu ông C trả lại cho bà số tiền còn nợ là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Phía bà S yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2018 đến hôm nay (ngày 20/4/2020) với số tiền lãi là 2.000.000đồng, trừ ra số tiền lãi mà bà S đã nhận của ông C trước đây là 2.000.000đồng, bà S không yêu cầu tính lãi tiếp. Đối với số tiền lãi mà bà S yêu cầu trong khoảng thời gian nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất nên ghi nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là có cơ sở và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Ông Võ Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000đồng x 5% = 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim S số tiền tạm ứng đã nộp là 599.600đồng theo biên lai số 0006887 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 35, 39, Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Minh C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim S số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Võ Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000đồng x 5% = 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim S số tiền tạm ứng đã nộp là 599.600đ (năm trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai số 0006887 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV- T.H.A TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Đức

